

BẢN TIN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An

(Tuần từ 06/11/2020 - 12/11/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần từ 29/10 đến 13h,05/11/2020 (mm)	Lượng mưa lũy tích từ 1/1/2020 đến 13h,05/11/2020 (mm)	So sánh lũy tích với các năm cùng kỳ(+/- (%))				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	564,1	2.884,8	+57	+129	+89	-2	14,9
2	Đô Lương	1159,0	2.422,7	+44	+83	+72	+76	13,2
3	Cửa Rào	149,1	1.213,4	-3	+30	-27	+20	6,1
4	Tây Hiếu	122,7	1.299,0	-16	+34	-26	+1	4,1
5	Nam Đàn	511,0	1.946,0	+18	+67	+26	+13	20,3
6	Quỳ Châu	80,3	1.921,3	+18	+79	-2	+42	1,3
7	Quỳnh Lưu	118,1	1.195,2	-21	+2	-39	-24	4,2
8	Quỳ Hợp	103,9	1.569,0	+1	+34	-17	+30	3,2
9	Mường Xén	93,0	1.212,0	+5	+16	-8	+42	6,5
10	Nghĩa Khánh	228,0	1.555,0	+8	+60	-1	+26	1,2
Trung bình		312,9	1721,8	+11	+53	+7	+23	7,5

Nhận xét:

- Tổng lượng mưa thực đo trong tuần từ 29/10/2020 đến 13h ngày 05/11/2020 trong vùng trung bình khoảng 312,9mm, trong đó lượng mưa đo được cao nhất là trạm Đô Lương với lượng mưa đạt 1159mm.

- Tổng lượng mưa lũy tích trong vùng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 29/10/2020 từ 1213,7 – 2884,8 mm:

+ So với trung bình nhiều năm: lượng mưa đo được tại 7/10 trạm cao hơn từ 1 - 57%, 3/10 trạm thấp hơn từ 3-21%

+ So với cùng kỳ năm 2019: lượng mưa đo được tại 8/10 trạm cao hơn từ 1 - 76%, riêng trạm Vinh thấp hơn 2%, Quỳnh Lưu thấp hơn 24%.

+ So với cùng kỳ năm 2018: lượng mưa đo được tại 8/10 trạm thấp hơn từ 1-39%, 3/10 trạm cao hơn 26-89%.

+ So với cùng kỳ năm 2015: lượng mưa đo được tại các trạm đều cao hơn từ 2-129%

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	100	100	+9	+55	0	0	Tăng
2	Khe Gỗ	5,4	5,2	100	100	+12	+72	0	0	Tăng
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	100	100	+23	+82	0	+13	Tăng
4	Khe Làng	3,1	2,9	100	100	+8	+46	0	0	Tăng
5	Nghi Công	2,6	2,4	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	100	100	+10	+62	0	0	Tăng
7	Khe Thị	2,7	2,5	100	100	+11	+67	0	0	Tăng
8	Bàu Gia	3,8	3,6	62	60	-23	+11	-38	-38	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	100	100	+9	+54	0	0	Tăng
10	Kẻ Sặt	3,0	2,9	59	57	-17	+13	-41	+11	Tăng
11	Nhà Trò	4,7	4,4	90	89	+3	+61	-10	-10	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	55	51	-17	+18	-45	-3	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	89	87	-3	+28	-11	-11	Giảm
14	Vệ Vừng	18,4	17,2	49	46	-36	-51	-51	-16	Giảm
15	Mả Tô	6,5	6,1	62	60	-23	+11	-38	-38	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	75	73	-12	+12	-25	-15	Giảm
17	Bà Tuy	5,5	5,1	63	60	-10	+36	-37	-5	Giảm
18	Vực Máu	75,0	63,7	100	100	+6	+18	+2	0	Tăng
19	Bàu Đá	3,9	3,7	100	100	+11	+68	0	0	Tăng
20	Cầu Cau	2,9	2,5	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	100	100	+25	+99	0	+54	Tăng
22	Cao Cang	1,6	1,6	100	100	+10	+62	0	0	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	100	100	0	0	0	0	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	62	62	-23	+15	-38	-38	Giảm
25	Khe Canh	4,2	4,2	100	100	+1	0	0	0	Tăng
26	Sông Sào	51,4	39,9	98	97	+2	+5	+10	+1	Tăng
27	Khe Thần	4,4	3,1	100	100	0	-	0	0	Tăng
28	Khe Sân	1,5	1,4	100	100	+27	-	-	+54	Tăng
29	Đình Dù	1,7	1,6	68	65	-17	+13	-32	-21	Giảm



TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	53	51	-13	-	-47	+9	Tăng
31	Yên Trạch	1,1	1,1	73	73	+13	-	+1	+37	Tăng
32	Đá Bàn	1,2	1,1	100	100	+15	-	0	+45	Tăng
33	Khe Bung	2,1	2,0	75	73	-11	-	-15	-16	Giảm
34	Đồi Tương	2,4	2,2	86	85	-6	-3	-3	-9	Giảm
35	Bà Hào	0,5	0,5	100	100	0	-	0	0	Tăng
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	99	99	+2	+3	+7	-1	Tăng
NGHỆ AN		265,1	233,7	88	87	-2	+20	-8	-5	

b) Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 88% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 2% so với TBNN, 5% so với năm 2019, 8% so với năm 2018 và cao hơn 20% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại có 19/36 hồ đang đầy nước, 17/36 hồ có dung tích từ 53-99%.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối tuần tới của các hồ có 24/36 xu thế tăng, 12/36 có xu thế giảm so với cùng kỳ năm 2019.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1.834,6	1,383	94,7	92,9	+3,6	+9,0	-3,3	+16,5	-	95,0
T. Bình	1.834,6	1.383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có cao hơn 3,6% so với TBNN, cao hơn 16,5% so với năm 2019, 9,0% so với năm 2015 và thấp hơn 3,3% so với năm 2018 cùng kỳ.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HẠN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Đến thời điểm hiện tại 36 hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích đạt 88% so với DTTK, thấp hơn so với cùng kỳ các năm gần đây. Theo dự báo, trong tuần tới trong vùng có mưa, lượng mưa dao động 1,2-20,3mm, trung bình toàn vùng đạt 7,5mm, dự báo đến cuối tuần dung tích của các hồ sẽ đạt 90% so với DTTK.

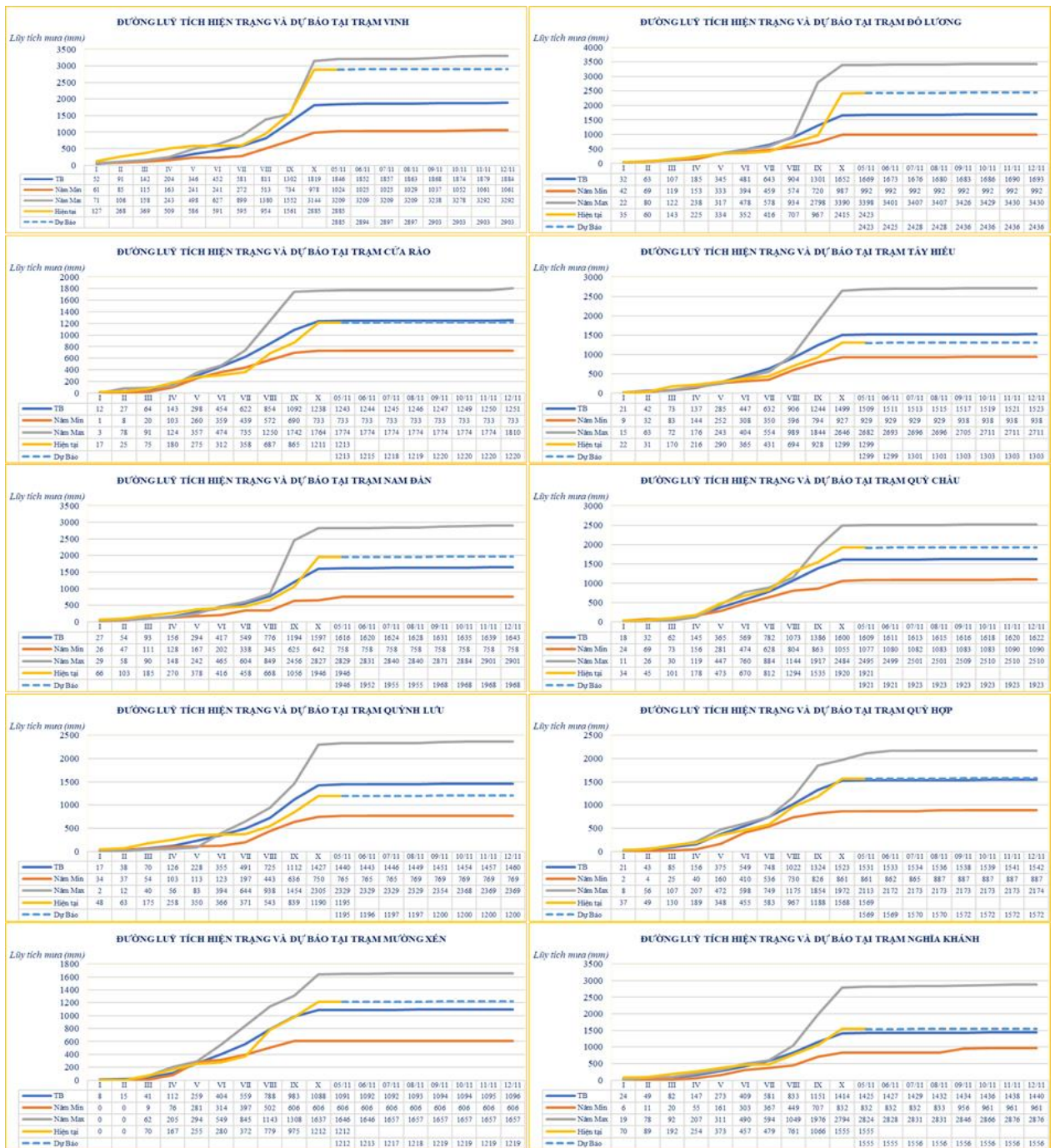


2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/1/2020 đến 12/11/2020 và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Vinh	Vinh	2.903,2	+174	+52	-12	Có mưa
2	Đô Lương	Đô Lương	2.436,4	+146	+43	-29	Có mưa
3	Cửa Rào	Cửa Rào	1.219,6	+66	-4	-33	Có mưa nhỏ
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	1.303,2	+39	-17	-52	Có mưa nhỏ
5	Nam Đàn	Nam Đàn	1.967,6	+160	+18	-32	Có mưa
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	1.922,7	+76	+17	-23	Có mưa nhỏ
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	1.200,1	+56	-21	-49	Có mưa nhỏ
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	1.572,3	+77	+1	-28	Có mưa nhỏ
9	Mường Xén	Mường Xén	1.218,5	+101	+5	-26	Có mưa nhỏ
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	1.556,2	+62	+7	-46	Có mưa nhỏ

Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo từ ngày 6/11 đến ngày 12/11 trong vùng phổ biến từ 1 - 20 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 1/1 đến nay và dự báo cho thấy :
 - + Phần lớn các trạm cao hơn từ 1 ÷ 52%, riêng 3 trạm thấp hơn từ 4 ÷ 21% so với cùng kỳ TBNN.



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020



2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An										
	Cộng										

III. PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC HỒ CHỨA CỬA VAN

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Lưu lượng xả hiện tại (m ³ /s)	Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất cho phép tại thời điểm tính toán (m)			Dự báo tổng lượng dòng chảy đến tuyến công trình hết tuần (triệu m ³)	Dự báo dung tích đến cuối tuần (%)	Khuyến cáo tích nước
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			
1	Hồ Vực Mầu	21,03	4,75	21	21	18,58	3,23	100	Xả
2	Hồ Sông Sào	75,58	0	75,7	75,7	71,85	3,06	100	Xả

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện nay tỉnh Nghệ An đã bước vào mùa mưa lũ, các hồ đang tích nước. Vì vậy, đề nghị các địa phương, cơ quan quản lý vận hành công trình cập nhật diễn biến thời tiết để có kế hoạch tích trữ, xả nước cho phù hợp đảm bảo phát điện, cấp nước cho sản xuất vụ Đông Xuân năm 2021 đồng thời phải đảm bảo an toàn công trình, giảm thiệt hại cho hạ du.

Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 12/11/2020.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

